



GREENFIELD
SCHOOL

Happy School • an education from the heart with it



Cambridge Assessment
International Education
Cambridge International School

TOÁN 21.2

SO SÁNH PHÂN SỐ



LIVEWORKSHEETS

Kiểm tra bài cũ

Quy đồng mẫu số các phân số:

$$\frac{5}{4} \text{ và } \frac{3}{16}$$

$$\underline{\hspace{1cm}} = \underline{\hspace{1cm}} = \underline{\hspace{1cm}}$$

Giữ nguyên phân số $\underline{\hspace{1cm}}$

Quy đồng mẫu số các phân số $\underline{\hspace{1cm}}$ và $\underline{\hspace{1cm}}$ ta được các phân số $\underline{\hspace{1cm}}$ và $\underline{\hspace{1cm}}$

SO SÁNH PHÂN SỐ CÙNG MẪU SỐ

Phân số nào có tử số lớn hơn thì lớn hơn.

Phân số nào có tử số bé hơn thì bé hơn.

Nếu tử số bằng nhau thì hai phân số đó bằng nhau.



Bài 1. So sánh hai phân số.

a. $\frac{2}{4} \dots\dots \frac{4}{4} ;$

b. $\frac{7}{6} \dots\dots \frac{6}{6} ;$

c. $\frac{14}{9} \dots\dots \frac{11}{9} ;$

d. $\frac{33}{10} \dots\dots \frac{22}{10} ;$

e. $\frac{6}{15} \dots\dots \frac{6}{15} ;$

g. $\frac{20}{21} \dots\dots \frac{21}{21} ;$

Nhận xét: Từ ý b, ta thấy nếu tử số lớn hơn mẫu số thì phân số 1.

Từ ý g, ta thấy nếu tử số bé hơn mẫu số thì phân số 1.

Và nếu tử số bằng mẫu số thì phân số 1.



Bài 2. So sánh các phân số sau với 1:

$$\frac{3}{7}; \frac{9}{8}; \frac{12}{13}; \frac{15}{20}; \frac{14}{8}; \frac{24}{19}.$$

$$\frac{3}{7} \dots\dots 1$$

$$\frac{9}{8} \dots\dots 1$$

$$\frac{12}{13} \dots\dots 1$$

$$\frac{15}{20} \dots\dots 1$$

$$\frac{14}{8} \dots\dots 1$$

$$\frac{24}{19} \dots\dots 1$$

$$\frac{12}{13} \dots\dots 1$$

Bài 3. Viết các phân số sau theo thứ tự từ bé đến lớn. (kéo thả vào ô trống)

a. $\frac{9}{7}; \frac{7}{7}; \frac{5}{7};$

--	--	--

b. $\frac{7}{12}; \frac{15}{12}; \frac{12}{12};$

--	--	--

